

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 -5-2021

Vv: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thiện

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Bùi Văn Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*
Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa Hôn nhân gia đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị D; Địa chỉ: TDP 6A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt)

- Bị đơn: Trịnh Văn T; Địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; (Hiện đang lao động tại Nhật bản) (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị D và anh Trịnh Văn T đăng ký kết hôn ngày 28/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình chồng được 03 năm, đến tháng 10 năm 2018 anh Trịnh Văn T đi lao động nước ngoài. Vì xa cách, vợ chồng không còn quan tâm nhau, bất đồng trong quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nhận thấy, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên chị Trần Thị D đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã về làm việc với Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; làm việc với ông Trịnh Văn Định là bố đẻ của anh Trịnh Văn T; gọi điện qua tài khoản Zalo của anh Thắng do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương có nội dung: Anh Trịnh Văn T hiện đang làm việc và sinh sống tại Nhật bản, do tình hình dịch bệnh nên anh không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án. Anh Thắng đã biết việc chị Trần Thị D có yêu cầu ly hôn và xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng có nguyện vọng được ly hôn với chị Dung; Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh yêu cầu được xét xử vắng mặt và ủy quyền việc giao nhận các tài liệu, chứng cứ cho ông Trịnh Văn Đ, địa chỉ: thôn Trần Phú, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình làm việc ông Trịnh Văn Đ đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tài liệu của anh Thắng.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Trịnh Văn T đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần đây nhất xuất cảnh ngày 20/10/2018 qua cửa khẩu Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời do điều kiện công việc nên anh Thắng yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ

cho ông Trịnh Văn Đ. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Trịnh Văn T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị D và anh Trịnh Văn T đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được 03 năm. Đến tháng 10 năm 2018 anh Thắng đi lao động tại Nhật bản. **Vợ chồng sống xa nhau, không quan tâm đến nhau, khi phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Chị Dung xét thấy không còn tình cảm với chồng và mong muốn được ly hôn. Anh Thắng cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nay chị Dung xin ly hôn anh đồng ý.**

Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị Dung và anh Thắng không đạt được mục đích đó.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị D với anh Trịnh Văn T.

[2.2] Về con chung: Không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu, tòa án không xem xét

[3] Về án phí ly hôn: Buộc chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều **51, 55, 57, 123, 127** Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Trịnh Văn T.

2. Về án phí : Áp dụng Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000103 ngày 11/02/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện C;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thiện

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hồng Phạm Thành

Nguyễn Thị Bích Đào